TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **47**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 02/10/2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Nguyên Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Quang Thìn
2. Ông Thạch Ni

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* **Ông Hà Văn Thái** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 295/2014/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2014 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Trúc L,** sinh năm 1987 (có mặt)
2.Bị đơn: **Anh Giềng Chỉ K**, sinh năm 1984 (có mặt)
Cùng trú tại: Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.
3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Diệp Thị M, sinh năm 1958 (có mặt)
Bà Giềng Mỹ L, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Cùng trú tại: ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước
Anh Tằng A N, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Anh Lìu Ní K, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Cùng trú tại: ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.
Bà Đặng Thị Kim H, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.
Ông Trần Thanh H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 5, P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.
Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1970 (vắng mặt)
Địa chỉ: tổ 1, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.
Ông Chu Hoàng D, sinh năm 1972 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.
Ông Đoàn Minh T, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P , tỉnh Bình Phước.
Ông Trần Văn PP, sinh năm 1969 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện P, tỉnh Bình Phước.
Ngân hàng chính sách và xã hội huyện P
Công ty TNHH một thành viên tài chính PPF Việt Nam (vắng mặt)
Địa chỉ: 194 Golden Building,473 P,P 25, Q. T, Tp Hồ Chí Minh.
Anh K, chị L,bà M, Ngân hành chính sách xã hội huyện P có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại và tại phiên tòa:
1.Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh K đăng ký kết hôn tự nguyện vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn do quá trình làm nhà ở anh K vay mượn tiền nhiều người nhưng không nói cho chị L biết dẫn đến vợ chồng không thống nhất trong việc trả nợ, dẫn đến rạn nứt tình cảm. Do không thể tiếp tục chung sống nên chị L và anh K đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn với anh Giềng Chỉ K.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị L và anh K có 01 con chung là cháu Giềng Sín P, sinh ngày 04/6/2005.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu tòa án giải quyết

Về tài sản chung:

Mảnh đất thứ nhất: có diện tích 10.912m2 tọa lạc ở ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước có giá trị theo biên bản thẩm định giá là 316.448.000 đồng.

Trên đất có 550 cây quýt trồng tháng 4 năm 2013 có giá theo biên bản định giá là 60.500.000 đồng.

Mãnh đất thứ hai: có diện tích 536,1m2 tọa lạc ở ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước có giá theo biên bản định giá là 15.546.900 đồng.

Trên đất có một căn nhà có diện tích 127,5m2 có giá trị là 481.950.000đồng

Và một số vật dụng trong nhà có giá trị 42.798.900 đồng.

Về nợ chung: chị L xác định không nợ ai.

Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung:chị L yêu cầu cầu bán diện tích 10.912m2 tọa lạc ở ấp M, xã P, huyện P , tỉnh Bình Phước có giá trị theo biên bản thẩm định giá là 316.448.000 đồng để trả nợ cho bà MP theo bản án trước đây chưa thi hành được.

Còn đối với mãnh đất có diện tích 536,1m2 tọa lạc ở ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước chị L yêu cầu để lại đất và ngôi nhà cho con chung là cháu P sử dụng khi cháu P đủ 18 tuổi.

Ngoài ra chị L không có yêu cầu gì đối với các tài sản khác.

Tại phiên tòa chị L đề nghị được ly hôn với anh K, các vấn đề khác chị L rút lại không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Giềng Chỉ K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh K đồng ý với chị LP về thời điểm chung sống và đăng ký kết hôn cũng như thừa nhận mâu thuẩn giữa anh K và chị L. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn và chị L có đơn yêu cầu ly hôn thì anh K đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có một con chung là Giềng Sín P, sinh ngày 06/4/2005.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: anh K không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung:

Đối với có 01 mãnh đất có diện tích 10.912m2 tọa lạc ở ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước có giá trị theo biên bản thẩm định giá là 316.448.000 đồng là đất của bà Diệp Thị M cho anh K cho vào năm 2001 để sản xuất tạo dựng kinh tế. Đến năm 2014, anh K đã làm giấy trả đất cho bà M.

Trên đất có 550 cây quýt trồng tháng 4 năm 2013 theo hợp đồng trồng quýt với ông Trần Văn P có giá theo biên bản định giá là 60.500.000 đồng. Anh K yêu cầu được thụ hưởng theo hợp đồng

Đối với diện tích 536,1m2 tọa lạc ở ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Nguồn gốc đất do ông Nguyễn Thanh H là cậu của chị L cho anh K và chị L. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4E có diện tích 127,5m2 và tài sản trong căn nhà đó thì giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các khoản nợ chung:

Nợ anh N số tiền 97.650.000đồng; nợ anh Kiệt số tiền 53.500.000 đồng, nợ bà Giềng Mỹ L 15.000.000 đồng; nợ anh Đoàn Minh T 5.000.000 đồng; nợ vợ chồng anh Chu Hoàng D 10.000.000 đồng . Nợ ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện P 38.000.000 đồng; nợ Công ty PPF 33.000.000 đồng, nợ bà Đặng Thị Kim H 50.000.000 đồng; nợ ông H theo yêu cầu trả tiền chuyển nhượng đất.

Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 10/4/2017 anh K rút yêu cầu đối với các khoản nợ đã kê khai chỉ yêu cầu chị Ly có trách nhiệm trả số tiền nợ của anh N và anh K. Tại phiên tòa anh K đề nghị rút lại yêu cầu đối với các khoản nợ của anh Tằng A N và Lìu Ní K.

Ngoài ra anh K không yêu cầu gì thêm.

3.Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Diệp Thị M trình bày.

Vào năm 2001 bà M có cho anh Giềng Chỉ K một mãnh đất có diện tích 10.912m2 tọa lạc ở ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước đẻ sản xuất tạo dựng kinh tế.đến năm 2004 anh K và chị L kết hôn thì đất giao cho anh K và chị L sử dụng (hiện đang trồng quýt). Đến năm 2014 khi là thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có xác nhận của gia đình và ban điều hành ấp M là tài sản riêng của anh K. Đến năm 2014 thì anh K làm giấy trả lại đất cho bà M. Nay anh K và chị L ly hôn thì bà M yêu cầu được lấy lại đất, anh K và chị L không được chia tài sản này, anh K có làm Giấy trả lại đất cho bà vào năm 2014. Nay anh K và chị L rút yêu cầu chia tài sản chung nên bà M không có yêu cầu giải quyết việc lấy lại vườn quýt nữa. Ngoài ra bà M không yêu cầu gì thêm. Tại phiên tòa chị L và anh K rút lại các yêu cầu chia tài sản và nợ chung nên bà M cũng không có yêu cầu gì khác.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H trình bày: vào năm 2013, ông H có sang nhượng cho vợ anh K, chị L một thửa đất có diện tích 536,1m2 tọa lạc tại ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 150.000.000đồng nhưng không làm giấy tờ. Mục đích để vợ chồng anh K và chị L làm nhà ở. Do anh K, chị L chưa có tiền để trả nên ông H giao đất khi nào có tiền sẽ trả ông H sau. Nay anh K và chị L có yêu cầu ly hôn nên ông H có đơn yêu cầu buộc anh K và chị L phải thanh toán cho ông H số tiền mà anh K và chị L còn nợ. Tuy nhiên ông H đã rút đơn yêu cầu độc lập về số tiền 150.000.000đồng. Ông H để lại diện tích đất trên cho cháu Giềng Sín P khi cháu P đủ 18 tuổi. Ngoài ra ông H không yêu cầu gì thêm.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Giềng Mỹ L trình bày: vào ngày 10/3/2013 bà L có cho anh K vay số tiền 15.000.000đồng để xây nhà hẹn đến cuối năm

2013 sẽ trả nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay anh K và chị L có yêu cầu ly hôn thì bà L cũng không yêu cầu anh K phải trả số tiền này.

Ngoài ra trước đây anh K có vay của anh Trần Văn Đ số tiền 25.000.000 đồng thì bà L và bà M đã cạo mủ cao su để trừ nợ cho anh K. Bà L đã có đơn rút phần yêu cầu độc lập đối với việc trả thay anh K số tiền 25.000.000đồng đã mượn của anh Đ.

6. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Minh T trình bày: vào năm 2013 anh T có cho anh K vay số tiền 5.000.000 đồng đến một năm sau thì bà M và anh K đã trả cho anh T số tiền đã vay. Nay anh K và chị L có yêu cầu ly hôn thì anh T không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu gì đối với số tiền trên.

7. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn Đ trình bày: vào năm 2013 âm lịch, anh Đ có cho anh K vay số tiền 10.000.000đồng, tiếp tục vào ngày 15/01/2014, anh Đ cho anh K vay số tiền 15.000.000đồng. Tổng cả hai lần vay là 25.000.000đồng. Đến ngày 15/12/2014, chị Giềng Mỹ L và bà M đã cạo mủ cao su cho ông Đ và đã trừ hết số nợ trên. Nay anh K và chị L có yêu cầu xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú thì ông Đ không có yêu cầu gì đối với số tiền mà anh K đã vay.

8. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Chu Hoàng D trình bày: vào ngày 23/01/2014, anh K có vay anh D số tiền 10.000.000 đồng để trả vật liệu xây nhà nên anh D cho vay. Đến ngày 06/11/2014 âm lịch bà Diệp Thị M đã trả cho chị Trương Thị X là vợ anh D số tiền mà anh K đã vay. Nay anh K và chị L có đơn yêu cầu ly hôn thì anh D không có yêu cầu gì đối với số tiền đã vay.

9. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn P trình bày: vào năm 2013, ông P có hợp đồng trồng quýt với vợ chồng anh K và chị L. Theo thỏa thuận ông P chịu trách nhiệm về giống và chăm sóc vường quýt trên diện tích đất mà anh K và chị L đang quản lý theo đó ông P hưởng 65% thành quả còn anh K và chị L hưởng 35% thành quả. Vườn quýt đến nay chưa cho thu hoạch. Đến tháng 5/2016 ông P và anh K làm lại hợp đồng chia đôi diện tích vườn quýt nói trên mỗi bên chăm sóc và hưởng thành quả trên diện tích được chia. Nay anh K và chị L có tranh chấp ly hôn thì ông P chỉ yêu cầu đảm bảo quyền lợi của mình trên diện tích vườn quýt của ông P ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

10. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách và xã hội huyện P trình bày: vào ngày 24/7/2012 anh Giềng Chỉ K và chị Nguyễn Thị Trúc L có vay Ngân hàng CSXH huyện P lần lượt só tiền là 8.000.000 đồng và 30.000.000đồng. tổng công anh K và chị L còn nợ lại số tiền 38.000.000đòng tiền gốc và lãi suất. Nay anh K và chị L có tranh chấp ly hôn, và anh K có đề nghị được trả hết số tiền đã vay thì Ngân

hành đồng ý với đề nghị của anh K yêu cầu anh K phải làm cam kết trả nợ cho Ngân hàng đúng hạn và ngày 11/6/2017 anh Khìn đã trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng và Ngân hàng không có ý kiến gì khác.

11. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH một thành viên tài chính Việt Nam PPF (gọi tắt là Công ty PPF): Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú đã có công văn số 45/CV-TA ngày 15/3/2017 yêu cầu công ty PPF cho biết ý kiến về số tiền 33.669.000 đồng mà anh Giềng Chỉ K đã vay và yêu cầu cử người tham gia tố tụng tuy nhiên sau khi nhận được văn bản phía công ty PPF không có ý kiến gì và cũng không cử người tham gia tố tụng.

12. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Kim H trình bày:
Vào ngày 20/4/2014,vợ chồng chị H có cho chị L vay số tiền 50.000.000 đồng để trả nợ nần và lo cho con ăn học và hẹn cuối năm sẽ trả. Nay anh K và chị L có tranh chấp ly hôn thì chị H có yêu cầu anh khìn và chị L phải trả số tiền đã vay. Tuy nhiên thấy hiện nay anh K và chị L đang có khó khăn về kinh tế nên bà hương đã rút yêu cầu độc lập đối với số tiền mà chị L đã vay.

13. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Tằng A N trình bày: vào ngày 18/5/2013 âm lich (ngày 25/6/2013 dương lich), anh K có vay của anh N 1.200kg cà phê nhân để trả tiền công xây nhà lãi suất thỏa thuận là 3%/1 tháng và hẹn sau 03 tháng sẽ trả nhưng đến nay anh K vẫn chưa trả. Nay anh N yêu cầu anh K và chị L có trách nhiệm trả số tiền 45.000.000 đồng tương ứng với 1200kg cà phê nhân và lãi suất phát sinh là 52.650.000đồng. Ngày 05/9/2017, anh N có đơn rút lại yêu cầu buộc chị L và anh K phải trả số tiền 97.650.000 đồng.

14. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lìu Nị K trình bày: vào ngày 04/7/2013 anh K có vay của anh K 950kg điều khô giá trị thành tiền là 25.000.000đồng hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/1 tháng thời hạn trả đến ngày 04/12/2013 sẽ trả. Tuy nhiên dến nay anh khìn vẫn chưa trả cho anh K số tiền trên. Nay anh K và chị L có tranh chấp ly hôn thì anh K yêu cầu anh K và chị L phải trả số tiền gốc và lãi tương ứng với giá trị điều khô đã mượn là 53.500.000đồng. Ngày 05/9/2017, anh K có đơn rút lại yêu cầu buộc chị L và anh K phải trả số tiền 53.500.000 đồng

Ngoài ra các đương sự không yêu cầu xem xét, giải quyết các vấn đề nào khác

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú,tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đúng quy định của pháp luật trong

Bộ luật tố tụng dân sự; đối với những người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan vắng mặt vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và có đơn xin giải quyết vắng mặt, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: chấp nhận yêu cầu về giải quyết quan hệ hôn nhân của nguyên đơn cho chị Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với anh Giềng Chỉ K, không giải quyết vấn đề con chung của các đương sự do các đương sự không yêu cầu.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chấp nhận giải quyết yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn trong rút yêu cầu khởi kiện về tài sản chung và nợ chung. Chấp nhận rút yêu cầu độc lập của anh Tằng A N và Lìu Ní K đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu của anh N và anh K.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- 01 Bản sao chứng minh nhân dân của anh Giềng Chỉ K và chị Nguyễn Thị Trúc L;
- 01 Bản sao Giấy khai sinh con Giềng Sính Phú;
- 01 Bản chính giấy kết hôn do Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước cấp cho anh Giềng Chỉ K và chị Nguyễn Thị Trúc L

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Giềng Chỉ K và chị Nguyễn Thị Trúc L chung sống với nhau tự nguyện từ năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy bản nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- Về con chung: anh K và chị L có 01 con chung tên Giềng Sính P, sinh ngày 04/6/2005. Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất:

Về quan hệ hôn nhân : anh Giềng Chỉ K và chị Nguyễn Thị Trúc L thống nhất thuận tình ly hôn

- Về con chung: không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: các bên đương sự rút lại yêu cầu không xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn do nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L thực hiện quyền khởi kiện. Do bị đơn anh Giềng Chỉ K có nơi cư trú tại ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Trước đây và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L đều có yêu cầu xin được ly hôn với bị đơn anh Giềng Chỉ K.

2. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Giềng Chỉ K chung sống với nhau tự nguyện từ năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã , huyện , tỉnh Bình Phước. Việc kết hôn tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị L và anh K trong thời gian đàu chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2013 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong việc vay tiền xây nhà cũng như không tìm thấy được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Hiện anh K và chị L đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không làm giảm mâu thuẫn giữa các bên. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân giữa hai người không đạt được và cả chị L và anh K đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết và thực sự thống nhất thuận tình ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc L.

3. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: chị L và anh K có 01 con chung là Giềng Sín P, sinh ngày 04/6/2005.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về tài sản chung, nợ chung: tại phiên tòa các đương sự đã rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này theo quy định.

5. Các vấn đề khác:

Đối với số nợ của ngân hành chính sách xã hội huyện P là 38.000.000 đồng anh K đã rút yêu cầu về việc yêu cầu chị L trả nợ và ngân hàng yêu cầu chị L và anh K liên đới trả. Xét thấy việc anh K đã rút yêu cầu đọc lập và thời điểm anh Khìn có vay thêm 30.000.000đồng tại Ngân hành chính sách xã hội anh K có thừa nhận là do anh K vay chứ chị L không ký giấy tờ vay vốn. Do anh K đã trả toàn bộ số nợ là 38.000.000đồng cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Đồng Phú và lãi suất phát sinh do Ngân hàng yêu cầu và Ngân hàng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Diệp Thị M đối mãnh đất có diện tích 10.912m2 tọa lạc ở ấp M, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có 550 cây quýt bà M cho rằng đất bà M cho con trai vào năm 2001 trước thời diểm kết hôn với chị Nguyễn Thị Trúc

L và hiện nay anh Khìn đã làm giấy trao trả đất cho bà Diệp Thị M. Nay anh K và chị L đã rút lại phần chia tài sản chung nên bà Múi cũng rút yêu cầu và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Giềng Mỹ L đã rút yêu cầu độc lập về việc buộc anh K và chị L trả khoản nợ 15.000.000đồng anh K đã vay để làm nhà và trả nợ giúp anh K cho anh Đ 25.000.000đồng nên hội đồng xét xử không xem xét xử lý lại.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H: trước đây ông Hiếu có yêu cầu anh K và chị L phải trả 150.000.000đồng tiền chuyển nhượng đất nhưng đến ngày 01/12/2016 ông H có đơn rút yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý lại.

Đối với hợp đồng trồng quýt giữa ông P và anh khìn chị L quá trình tố tụng ông P đã trình bày tiếp tục thụ hưởng thành quả vường quýt theo hợp đồng và không có ý kiến gì khác ngoài và ông Phước cũng không thực hiện quyền làm đơn giải quyết độc lập nên không có căn cứ xem xét yêu cầu của ông P.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Minh T, Trần Văn Đ, ông Chu Hoàng D đã xác nhận anh khìn đã trả hết các khoản nợ đã vay và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý lại.

Đối với Công PPF tòa án nhân dân huyện Đồng Phú đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tung tuy nhiên công ty PPF không có ý kiến phản hồi cũng như cử người tham gia tố tụng do đó Hội đồng xét xử sẽ xem xét giải quyết sau khi công ty PPF có yêu cầu.

Đối với yêu cầu của anh N buộc anh K và chị L liên đới trả 1.200 kg cà phê nhân cà phê và lãi suất mà anh K vay để trả tiền công xây nhà. Trước khi mở phiên tòa anh N có đơn xin rút yêu cầu nên cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của anh N.

Đối với yêu cầu của anh K buộc anh K và chị L liên đới trả 950kg hạt điều khô và lãi suất mà anh Kvay để trả tiền công xây nhà. Trước khi mở phiên tòa anh K đã có đơn rút yêu cầu nên cần đình chỉ theo quy định.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và và điều 27 pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí chia tài sản chung do các bên đương sự rút yêu cầu về phần chia tài sản chung nên cần trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Ly theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 8, 9, 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 228; Điều 217; Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự và điều 27 pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. ***Về hôn nhân*****:** Tuyên xử cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với bị đơn anh Giềng Chỉ K.

2. Về con chung yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung giữa chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Giềng Chỉ K.

4. Đình chỉ giải quyết vụ việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa anh Tằng A N và anh Lìu Lí K với vợ chồng chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Giềng Chỉ K.

Trả lại cho anh Lìu Lí K và anh Tằng A N các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu giải quyết độc lập.

Anh K và anh N có quyền khởi kiện lại vụ án khác theo trình tự thủ tục Bộ luật tố tụng dân sự.

5. ***Về án phí hôn nhân sơ thẩm***: Là 200.000 đồng**,** nguyên đơn chị L phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0023893 ngày 17/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Trúc L số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung là 9.762.727 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0023654, quyển số 000474 ngày 15/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Phú.

Hoàn trả cho anh Tằng A N số tiền 2.441.250 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00475, quyển số 0023704 ngày 03/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Phú.

Hoàn trả cho anh Lìu Ní K số tiền 1.337.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00475, quyển số 0023706 ngày 03/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Phú.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L, bị đơn anh Giềng Chỉ K, người có quyền lợi ngĩa vụ liên quan bà Diệp Thị M được quyền kháng cáo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

-VKSND huyện Đồng Phú;
-THA huyện Đồng Phú;
- UBND xã Thuận Phú;
-Các đương sự;
-Lưu HS, BP.HNGĐ.

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Nguyên Hoàng

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm ph